

## Tục thờ Cá Ông ở Cần Giờ và vùng ven biển Trung - Nam Bộ

ĐẶNG VĂN THẮNG<sup>(\*)</sup>

1. Một cột mốc quan trọng đánh dấu sự khai phá thành công vùng đất Nam Bộ về mặt nhà nước chính là việc thiết lập hai huyện Phước Long và Tân Bình vào năm 1698. Sách *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết vào cuối thời Gia Long (1802-1819) ghi: “Mùa xuân năm Mậu Dần (1698) đời vua Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế sai Thống suất Chuồng cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Kính sang kinh lược Cao Miên, lấy đất Nông Nại đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn... Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 40.000 hộ...”<sup>(1)</sup>. Nếu tính trung bình một hộ 5 người thì dân số ở hai huyện lúc mới thành lập khoảng 200.000 người. Từ khi huyện Tân Bình được thành lập cho đến 92 năm sau, xứ Sài Gòn đã có đắp thành đất Gia Định, chọn làm kinh thành Gia Định (1790) và đến thời Gia Long trở thành trung tâm của thành Gia Định phụ trách cả Nam Bộ. *Đại Nam thực lục* chép: Tháng 3 năm Canh Tuất (1790) “Ngày Kỉ Sửu, đắp thành đất Gia Định... Thành đắp theo kiểu bát quái, mở tám cửa, ở giữa là cung điện, bên tả dựng nhà Thái Miếu, phía sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt cục Chế tạo, chung quanh là nhà tranh cho quân túc vệ ở. Giữa sân dựng kì đài ba

tầng, trên làm tào vọng đầu bát giác, ban ngày kéo cờ, ban đêm thì kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân. Thành xong, gọi tên là kinh thành Gia Định... Tám cửa thành đều xây bằng đá ong... Ngang dọc có tám đường... Phía ngoài thành là hào, hào rộng... có cầu treo bắc ngang... Ở ngoài là đường phố chợ búa, dọc ngang la liệt đều có thứ tự. Hai bên đường quan đều trồng cây thích nghi, gọi là đường thiên lý”<sup>(2)</sup>.

Riêng khu vực Cần Giờ tháng 8 năm Mậu Thân (1788) “Đổi cửa biển Cần Giờ thuộc Trấn Biên cho thuộc về Phiên Trấn; lấy khâm sai thuộc nội cai đội Phan Văn Đồng làm thủ ngự đánh thuế cảng các thuyền buôn. Rồi ra lệnh dự trữ lương thực, phàm có người cùng dân từ Bình Thuận trở ra đến Thuận Hóa đáp thuyền buôn đến thì lượng cấp cho”<sup>(3)</sup> và đến thời Gia Long đã là một hải cảng Cần Giờ “chợ phố trù mật... hải hội rất đông đúc... không đâu sánh được”. Sách *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi lại hải cảng Cần Giờ như sau: “Cảng rộng 5 dặm, khi nước lên sâu 11 tầm, nước

\*. TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

1. Trịnh Hoài Đức. *Gia Định Thành thông chí*, dịch giả Tu trai Nguyễn Tạo, Tập trung, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1972, tr. 12.

2. *Đại Nam thực lục*, tập II, *Chính biên Đệ nhất kỉ I*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1963, tr. 112-113.

3. Sđd., tr. 79.

xuống sâu 9 tầm, cách phía đông trấn 142 dặm rưỡi, có đạo Cần Giờ đóng giữ, chợ phố trù mật, dân theo làm nghề cá. Trong cảng sâu rộng yên ổn, thường ngày có thuyền buôn ra vào, làm chỗ hải hội rất đông đúc cho thành Gia Định, không đâu sánh được”<sup>(4)</sup>.

Tháng 6 năm Ất Sửu, Gia Long năm thứ 4 (1805), Bộ Lễ tâu với vua Gia Long: “Bờ biển nước ta dài suốt, vận chở đường thủy rất thuận tiện: cửa Eo ở Quảng Bình, cửa An Việt ở Quảng Trị, cửa Nhật Lệ ở Quảng Bình, cửa Đại Chiêm ở Quảng Nam, cửa Cổ Lũy ở Quảng Ngãi, cửa Thị Nại ở Bình Định, cửa Đà Diên ở Phú Yên, cửa Cù Huân ở Bình Hòa, cửa Phan Rí ở Bình Thuận, cửa Cần Giờ ở Gia Định, cửa Hội Thống ở Nghệ An, cửa Thu Vi (tức cửa Trào) ở Thanh Hoa, cửa Hải Liêu ở Sơn Nam Hạ, cửa Nam Triệu ở Hải Dương, cửa Hoa Phong ở Yên Quảng, đều là những cửa biển lớn, thuyền ghe công tư đi lại đều phải qua đó. Xin từ nay các quan địa phương mỗi năm cứ đến tháng mạnh xuân (tháng Giêng) đều bày đàn tế ở các nơi ấy để cầu gió thuận. Vua y lời tâu”<sup>(5)</sup>. Làm nhiệm vụ “bày đàn tế... cầu gió thuận” ở trong khu vực của hải cảng Cần Giờ vào thời Gia Long chính là miếu Hải Thần và cũng cúng vào tháng giêng hàng năm có lẽ là thực hiện theo chỉ thị của triều đình.

Theo *Gia Định Thành thông chí* thì miếu Hải Thần ở phía đông nam của “*thủ sở*”, thờ thần chính là thần Nam Hải, bên trong miếu có thờ thêm 3 vị thần Hà Bá, Thủy Quan, Ngọc Lân của hai sông Phước – Bình. Về kiến trúc miếu thì “cột kèo chạm trổ vẽ vôi nghiêm trang”. Miếu cúng vào tháng Giêng hàng năm. Lễ vật cúng dùng lễ Thái Lao tức cúng dê, heo

và trâu. Lễ cúng chính là lễ “cầu đảo cho thuận gió để thuyền vận tải đến Kinh cho được tiện lợi”, việc này có chép vào tự điển. Vị trí miếu cũng khá tốt, chắc là gần kề bờ cửa biển thuận tiện cho thuyền buôn ghé vào cúng bái mỗi ngày, vì vậy “những thuyền buôn ra vào cũng biện tư lễ chiêm bái, hương đèn thường ngày xông đốt luôn luôn”. Như vậy, dù “chợ phố trù mật, dân theo làm nghề cá” nhưng do vị trí là một hải cảng quan trọng, nên miếu Hải Thần ở Cần Giờ thờ thần Nam Hải chủ yếu là phù hộ cho các “thuyền vận tải đến Kinh” hoặc “thuyền buôn ra vào” cảng chứ chưa thấy nhắc tới miếu Hải Thần ở Cần Giờ cúng thần Nam Hải cho nghề đánh cá. Phong tục này của người Việt Nam Bộ rất khác với người Hoa. Người Hoa khi dùng thuyền vận tải, thuyền buôn đi biển họ thờ cúng “*Thiên Hậu Thánh Mẫu*” để phù hộ độ trì, trong khi người Việt ở đây lại cúng thần Nam Hải. Trịnh Hoài Đức viết trong *Gia Định Thành thông chí*: “Miếu Hải Thần (Cần Giờ) ở phía đông nam thủ sở, phụng tự thần Nam Hải, lại đem các vị thần Hà Bá, Thủy Quan, Ngọc Lân trong hai sông Phước - Bình phối tự. Cột kèo chạm trổ vẽ vôi nghiêm trang, thường năm vào tháng giêng trấn quan dùng lễ Thái Lao (dê, heo, trâu) cúng tế, cầu đảo cho thuận gió để thuyền vận tải đến Kinh cho được tiện lợi, có chép vào tự điển. Còn những thuyền buôn ra vào cũng biện tư lễ chiêm bái, hương đèn thường ngày xông đốt luôn luôn”<sup>(6)</sup>.

Cũng trong *Gia Định Thành thông chí* phần giới thiệu trấn Biên Hòa giáp ranh

4. Trịnh Hoài Đức. *Sđđ.*, tập thượng, tr. 39.

5. *Đại Nam Thực lục*, *Sđđ.*, tập III, Chính biên đệ nhất kỷ II, tr. 239-240.

6. Trịnh Hoài Đức. *Sđđ.*, tập hạ, tr. 86.

với trấn Phiên An nơi có miếu Hải Thần, Trịnh Hoài Đức có giới thiệu khá chi tiết về đền Nam Hải Tướng Quân và ở đây Trịnh Hoài Đức lại nói về vai trò của thần Nam Hải trong việc giúp ngư phủ chứ không phải là những người đi thuyền vận tải hay đi thuyền buôn, có thể tóm theo những ý sau:

- *Thần thờ trong đền*: Thần là nhân ngư, không có vảy, đầu tròn trơn láng, đỉnh trán có lỗ phun nước ra như mưa, môi voi, đuôi tôm, dài đến 2-3 trượng (khoảng 8-12 mét), ưa nhảy bơi trên mặt biển.

- *Thần giúp ngư phủ*: Một là, ngư phủ chăng lưới đánh cá, cầu khẩn thì nhân ngư đuổi bầy cá chạy cả vào lưới; hai là, ghe thuyền trong biển gặp lúc sóng gió nguy hiểm, thường thấy nhân ngư dìu đỡ thân ghe bảo vệ vào bờ yên ổn; ba là, ghe bị chìm úp trong cơn sóng gió rầm rộ, nhân ngư đưa người vào bờ.

- *Triều đình phong tặng*: Triều đình đã phong tặng làm "*Nam Hải Tướng Quân Ngọc Lân Tôn Thần*".

- *Khu vực thờ cúng*: Chỉ có trong nước Nam từ Linh Giang đến Hà Tiên có sự linh ứng cứu vớt mau chóng mà thôi, còn các biển khác không có (Linh Giang là một trong 18 hoa văn trên Đỉnh Chương thuộc Cửu Đỉnh đặt trước sân Thế Miếu, Đại Nội, Huế. Linh Giang chính là Sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình).

- *Đền thờ cúng*: rủi ro mà cá bị ác ngư khác đánh chết nổi trên mặt biển, thì ngư dân góp tiền mua hàng, vải đồ liệm rồi lựa một người đàn anh trong ngư hộ đứng làm chủ tang, đào đất chôn cất cẩn thận và dựng đền ở ngay bên mộ. Những chỗ có chôn cá thì dân chỗ ấy được nhiều lợi may mắn, còn chỗ tuy không chôn cá

cũng đều lập đền thờ, dọc theo miền biển đều như thế cả<sup>(7)</sup>.

Thần Nam Hải ngoài những người đi thuyền vận tải, thuyền buôn hay đi đánh cá thờ cúng, còn có những người đi trên thuyền "các đội trường đà" - *thuyền* chở lương nhà nước<sup>(8)</sup> thờ phụng. Có thể nhận ra điều này qua sắc thần do vua Minh Mạng (1820-1840) ban cho đình Lý Nhơn (đình Nam Tiến), số 170/ 4 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và được Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ phiên âm và dịch nghĩa như sau:

Phiên Âm:

Sắc Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần hộ quốc tể dân hiển trú công đức.

Phụng ngã:

Thế Tổ Cao Hoàng đế thống nhất hải vũ, khánh bị thần nhân, tứ kim quang thiệu hồng đồ, miến niệm thần hựu, hạp long ân điển, khả gia tặng Niệm tế chi thần, chuẩn hứa trường đà các đội, y cự phụng sự, thần kì hiệu linh, lợi hữu du tế. Khâm tai.

Minh Mạng ngũ niên thất nguyệt bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc phong thần Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân, giữ nước giúp dân rạng rỡ công đức.

Kính ngưỡng Thế Tổ Cao Hoàng Đế thống nhất đất đai, ân khắp thần dân, nối tiếp cơ nghiệp lớn lao, nghĩ đến công lao tốt đẹp của thần, nêu cao điển lễ của Triều đình, nên tặng thêm Niệm Tế chi thần, duyệt cho các đội trường đà phụng

7. Trịnh Hoài Đức. Sđd., tập hạ, tr. 112.

8. *Đại Nam thực lục*, Sđd., tập IV, Chính biên đệ nhất kỉ III, tr. 293

sự thần theo như lệ cũ, hiệu quả linh ứng của thần ngày càng rộng khắp. Kính thay.

Ngày 8 tháng 7 năm Minh Mạng thứ 5 (1824)<sup>(9)</sup>.

Trong công trình nghiên cứu khoa học năm 2000: *Di sản Hán – Nôm trong các di tích Lịch sử – văn hóa Bà Rịa – Vũng Tàu* do Phạm Chí Thân và Nguyễn Cẩm Thúy làm chủ nhiệm đề tài có giới thiệu 3 sắc thần về thần Nam Hải phong cho đình Thắng Tam (Thành phố Vũng Tàu), hai sắc thần thuộc thời Thiệu Trị năm thứ 5 (phong tặng mi tự thần Từ Tế, Chương Linh và thần Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín) và một sắc thần thuộc thời Tự Đức năm thứ 3 (phong tặng mi tự thần Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín, Trưng Trạ) với các nội dung sau:

Sắc thần thứ nhất.

Phiên âm:

Sắc Từ tế Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân chi thần, hộ quốc tị dân năm trứ linh ứng. Minh Mạng nhị thập nhất niên trị ngã Thánh tổ Nhân Hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu Đàm ân lễ long đăng trật. Tứ kim phi ứng cảnh mệnh miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Từ Tế, Chương Linh chi thần, nhưng chuẩn Phước An huyện, Thắng Tam thôn y cựu phụng sự. Thần kì tướng hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Thiệu Trị ngũ niên, thập nhất nguyệt nhị thập thất nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc thần Từ Tế Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân, giúp nước cứu dân từng nhiều lần hiển hiện linh ứng. Năm Minh Mạng thứ 21, Thánh tổ Nhân Hoàng đế ta mừng ngũ tuần đại khánh, đã vâng chiếu chỉ

gia phong, chuẩn cho thăng trật. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần, tặng thêm là thần Từ Tế, Chương Linh, chuẩn cho thôn Thắng Tam, huyện Phước An thờ phụng như cũ. Thần thì phải giúp đỡ che chở cho dân đen của ta. Kính đấy !

Ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ 5 (1845).

Sắc thần thứ hai.

Phiên âm:

Sắc Từ Tế, Chương Linh Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân chi thần, hộ quốc tị dân năm trứ linh ứng. Tứ kim phi ứng cảnh mệnh miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Từ tế, Chương Linh, Trợ Tín chi thần, nhưng chuẩn Phước An huyện, Thắng Tam thôn y cựu phụng sự. Thần kì tướng hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Thiệu Trị ngũ niên, thập nhị nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc thần Từ Tế, Chương Linh Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân, giúp nước cứu dân từng nhiều lần hiển hiện linh ứng. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần, tặng thêm là thần Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín, vẫn chuẩn cho thôn Thắng Tam, huyện Phước An thờ phụng như cũ. Thần thì phải giúp đỡ bảo vệ cho dân đen của ta. Kính đấy !

Ngày 26 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 5 (1845).

Sắc thần thứ ba.

Phiên âm:

9. Phạm Đức Mạnh, Trần Hồng Liên. *Kết quả khảo sát sơ bộ đình Nam Tiến (Thành Phố Hồ Chí Minh)*, trong: *Một số vấn đề Khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 539-540.

Sắc Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần nguyên tặng Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín chi thần, hộ quốc tí dân năm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc, chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim phi ứng cảnh mệnh miến niệm thần hưu, khả gia tặng Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín, Trưng Trạch chi thần, nhưng chuẩn Phước An huyện, Thắng Tam thôn y cựu phụng sự. Thần kì tướng hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai!

Tự Đức tam niên, thập nhất nguyệt

Năm thứ 3 (1850) đời Tự Đức (1848 – 1883) chuẩn lời nghị thần hiệu đã được sắc chỉ tặng sắc ở thuộc hạt các địa phương, gia tặng mi tự cho 6 loại thần: Thiên thần, Thổ thần, Sơn thần, Thủy thần, Dương thần, Âm thần và liệt vào 3 hạng: thượng đẳng, trung đẳng, hạ đẳng<sup>(10)</sup>. Có thể lập bảng gia tặng mi tự cho các thần từ năm 1850 đời Tự Đức như sau:

**Bảng gia tặng mi tự cho các thần<sup>(11)</sup>**

<b>HẠNG</b>	<b>Thượng đẳng</b>	<b>Trung đẳng</b>	<b>Hạ đẳng</b>
<b>Thiên thần</b>	Túy mục	Linh thủy	Thuần chính
<b>Thổ thần</b>	Hàm quang	Tĩnh hậu	Đôn ngưng
<b>Sơn thần</b>	Tuấn lĩnh	Củng bặt	Tứ ngự
<b>Thủy thần</b>	Hoành hợp	Uông nhuận	Trưng trạch
<b>Dương thần</b>	Trác vĩ	Quang ý	Đoan túc
<b>Âm thần</b>	Trang huy	Trai thực	Nhan uyển

sơ bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc thần Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân, vốn được tặng là Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín, giúp nước cứu dân từng nhiều lần hiển hiện linh ứng, đã ban cấp sắc phong, cho được thờ phụng. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần, tặng thêm là thần Từ Tế, Chương Linh, Trợ Tín, Trưng Trạch, vẫn chuẩn cho thôn Thắng Tam, huyện Phước An thờ phụng như cũ. Thần thì phải giúp đỡ bảo vệ cho dân đen của ta. Kính đấy!

Ngày 08 tháng 11 năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Như vậy, cá Ông được phong là thần Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân và từ thời Minh Mạng chỉ phong là chi thần (không phải là thượng đẳng thần hay trung đẳng thần), đến thời Tự Đức được phong là Trưng trạch, mà theo quy định của thời Tự Đức, được phong Trưng trạch là thuộc loại thủy thần hạng hạ đẳng thần, nên có thể nói từ thời Tự Đức cá Ông là thuộc thủy thần hạng hạ đẳng.

10. *Khâm Định Đại Nam Hội điển sử lệ*, tập 8, Nxb. Thuận Hoá, Huế 1993, tr. 187.

11. Đặng Văn Thắng. *Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng dưới triều Nguyễn*, trong: *Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, 2002, tr. 402-412.

2. Trịnh Hoài Đức trong phần giới thiệu về *Thổ sản linh tinh*, mục cá biển có trình bày *tượng ngư*: cá voi khá trùng hợp với nhân ngư đã dẫn bên trên. Ở đây có vài điểm lưu ý là cá được “*nhà ngư-nghệ thường gọi là nhân ngư*” tức nói đến nhà ngư và nhà nghệ (trong *Đại Nam Quốc Âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của, tập II, xuất bản năm 1896, trang 116, không có từ nhà nghệ mà có từ *nhà nghệ là kẻ làm nghề, lái buôn*. Có lẽ ở đây là chỉ nhà ngư, nhà nghệ); được vua phong làm “*Nam Hải Tướng Quân*” chứ không ghi là “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thân*” hay “*Nam Hải Tướng Quân Ngọc Lân tôn thân*”; và lại nói đến việc sử dụng “*Mỡ cá dùng trị chấn đậu, phong nhiệt và đỏ mắt*”... Trịnh Hoài Đức viết: “*Tượng ngư: cá voi. Đầu tròn, nơi trán có lỗ phun nước ra, miệng mũi giống như con voi trơn láng không có vảy, đuôi có hai chi giống đuôi tôm, tách từ thiên biết cứu trợ người, nên nhà ngư- nghệ thường gọi là nhân ngư. Hay đuổi các thú cá vào lưới, gặp thuyền đi biển bị chìm úp, cá này thường đưa người vào bờ, dân miền biển đều kính lễ, thấy thây cá này trôi giạt, dân chài lưới góp tiền mua vãi, hàm liệm chôn, người trưởng trong ngư hộ đứng làm tang chủ, cất đền phụng sự. Tự điển nhà vua phong làm Nam Hải Tướng Quân, vì ở trong vùng Nam Hải thì được linh ứng, còn ở biển khác thì không linh. Mỡ cá dùng trị chấn đậu, phong nhiệt và đỏ mắt*”<sup>(12)</sup>.

Theo tài liệu hiện nay thì cá voi có 78 loài chia thành hai nhóm. Cá voi có răng như cá heo và cá nhà táng, săn bắt cá, mực; cá voi không lồ như cá voi xanh và cá voi vây hút ăn các sinh vật biển nhỏ giống như tôm. Một cách khác để phân biệt chúng với nhau là cá voi răng có một

lỗ phun nước, còn cá voi tấm lược có hai lỗ phun nước. Cá voi lớn là loài ăn qua tấm lược hiền lành, là những con vật to lớn nhất trên trái đất. Có ba họ cá voi lớn: cá voi “chính thống”, cá voi xám và cá voi vây lưng. Bốn loài cá voi chính thống có bụng trơn láng và không có rãnh họng; cái mồm rất rộng của chúng có “lắp” các tấm lược dài và hẹp. Cá voi xám đáng được xếp vào một họ riêng vì chúng khá kì lạ. Người ta đã từng thấy chúng ở Đại Tây Dương, nhưng những người săn cá đã tiêu diệt quần thể này vào thế kỉ XVIII. Cá voi xám sống ở bắc Thái Bình Dương dài tới 15 mét<sup>(13)</sup>.

Hiện nay có ba bộ xương cá voi thuộc nhóm cá voi không lồ có hai lỗ phun nước, là loài cá voi hiền lành ăn qua tấm lược hàm chứ không phải răng, hút ăn các sinh vật biển nhỏ giống như tôm - loại cá mà Trịnh Hoài Đức cho là “tách từ thiên biết cứu trợ người” - đã được phục dựng và trưng bày cho khách tham quan chiêm ngưỡng. Bộ xương cá trưng bày ở Viện Hải Dương học Nha Trang khai quật được ở Nam Định thuộc loại *Cá voi lưng gù* dài 18 mét. Bộ xương cá voi ở Vạn Thủy Tú (Phan Thiết, Bình Thuận) cũng do Viện Hải Dương học Nha Trang phục dựng là bộ xương cá voi rất lớn, ghi chú thích cá voi thuộc loại *Cá voi lưng xám*, tên khoa học là *Balaenoptera Physalus*, chiều dài toàn thân 22 mét, trọng lượng cơ thể 65 tấn. Bộ xương cá voi ở Thạnh Phước Lạch (Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh) - cá Ông lụy năm 1971- do Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh phục dựng cũng là *Cá voi lưng xám/ cá voi xám*, nhưng nhỏ hơn cá voi ở Vạn Thủy Tú, cá

12. Trịnh Hoài Đức. *Sđđ.*, tập hạ, tr. 58-59.

13. Vassili Papastavrou. *Cá voi*, (người dịch Nguyễn Quốc Tín), Nxb. Kim Đồng, 2001, tr. 8-11.

chỉ dài có 12 mét. Trong phần chú thích cá voi ở Vạn Thủy Tú còn giới thiệu câu hát Bả Trạo truyền từ đời này sang đời khác:

*Xưa biển Thánh, Ngòi quảng sai tế độ,  
Nay siêu Thần, Ngòi về chốn miếu môn.*

**3.** Tục thờ cá Ông rất phổ biến ở các làng chài ven biển miền Trung – Nam Bộ từ Quảng Bình cho đến Hà Tiên. Ở Huế, hầu hết các làng chài ven biển và một số làng ở ven đầm phá đều có lập miếu thờ thủy thần, mà tiêu biểu nhất là thần cá Ông với thần hiệu: “*Nam Hải Cự tộc Ngọc lân tôn thần*”. Miếu thờ cá Ông cũng có thể phối thờ các vị thần biển cao cấp hơn như: Nam Hải Long vương tôn thần, Hà Bá Thủy quan tôn thần, Thủy Long tôn thần và cấp thấp hơn như: Đông Nam Sát hải Lang thát nhị đại tướng quân...<sup>(14)</sup>. Ở Huế có lễ hội Cầu Ngư như lễ hội Cầu Ngư ở Thuận An, một xã vùng biển của tỉnh Thừa Thiên-Huế. Lễ hội Cầu Ngư ở đây được tổ chức để tỏ lòng nhớ ơn vị khai canh làng là Trương Thiệu. Ông là người gốc Miền Bắc, di dân vào trú tại Thai Dương vào thế kỉ XIV. Ông là người sáng lập ra làng và bày cho dân làng nghề đánh cá và buôn bán ở vùng biển. Khi ông mất, dân làng ghi nhớ công ơn ấy, nên tổ chức lễ hội để tỏ lòng biết ơn. Lễ hội tổ chức vào ngày mất của ông, trong lễ hội có diễn lại cảnh sinh hoạt nghề biển như đánh cá, buôn bán cá<sup>(15)</sup>. Ở Huế còn có lễ hội Cầu Ngư mùa hè. Ngoài lễ hội Cầu An đầu xuân, ngư dân còn tổ chức lễ hội Cầu Ngư vào một ngày hè tháng 5 hay tháng 6 âm lịch tùy làng, tại miếu thờ cá Ông. Lễ hội dâng cúng lên chư vị thủy thần, đặc biệt là thần cá Ông, cầu khẩn chư thần chứng giám lòng thành, phù hộ cho ngư dân sinh nhai

phong phú, lưới nặng đầy cá, dân Khang, vật phụ<sup>(16)</sup>.

Ở Phú Yên, nơi nào có nghề biển, nơi đó đều có xây cất lăng thờ cá Ông và tế lễ hàng năm theo lệ xuân cúng thu tế. Trong vài thập kỉ gần đây, ngư dân nhiều vùng biển kết hợp lễ cúng cá Ông với lễ Cầu Ngư thành một lễ hội, có quy mô lớn nhất của nghề biển. Lễ Cầu Ngư được tổ chức từ 3 đến 5 ngày, có nơi kéo dài đến 7 ngày. Lễ gồm các bước: *một là, khai lễ* còn gọi là lễ vọng (cáo giỗ), vạn trưởng vạn chài thắp hương khấn Ông và các thần được thờ về dự và chứng giám, độ trì ngư dân; *hai là, lễ nghinh rước thân*, đoàn người xuất phát từ lăng đến đình, miếu rước thân về nhập lăng; *ba là, lễ nghinh Ông* gồm phần lễ nghinh Ông tại bờ và nghinh Ông ngoài khơi; *bốn là, lễ tế thần* (đúng 24 giờ) được tổ chức long trọng và kéo dài hàng giờ. Trong lễ Cầu Ngư còn có tiết mục múa siêu và hát Bả Trạo. Múa siêu gồm có 5 bài múa: Xuân thiên, Lôi phong, Bể đồng, Lan mã và Múa chúc (còn gọi là chèo bả trạo). Bả Trạo có nghĩa là nắm chắc tay chèo (bả=nắm chắc, trạo= mái chèo). Mỗi bài Bả Trạo có những đoạn, lời văn khác nhau, nhưng đều có bố cục chung: mở đầu ra khơi, tiếp đến đánh bắt cá, nghỉ ngơi, bão tố, chống bão tố và an bình. Xong lễ, ngư dân bước vào hội với các cuộc vui như hát tuồng, đua thuyền, kéo co, bơi lội. Ngày nay, có thêm tiết mục đua thuyền rồng, thi đấu bóng chuyền, chạy việt dã...<sup>(17)</sup>. Ở Phú

14. Trần Đại Vinh. *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 104.

15. Tôn Thất Bình. *Huế lễ hội dân gian*, Hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế, 1997, tr. 29-30.

16. Trần Đại Vinh. *Sđđ.*, tr. 147.

17. *Địa chí Phú Yên 2003*. Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 514-518.

Yên, trong một số di tích thờ cá Ông ven biển đều gọi là lăng, nhưng có lăng thờ cá Ông là thân thờ chính, có lăng chỉ thờ cá Ông là thân thờ phụ, thờ phối tự. Chẳng hạn trong 8 di tích có thờ cá Ông ở huyện Sông Cầu thuộc khu vực đầm Cù Mông hay vịnh Xuân Đài thì chỉ có 3 lăng: lăng Nhà Ngòi (xã Xuân Thịnh), lăng Nhất Tự Sơn (xã Xuân Thọ I), lăng Ghềnh Đỏ (xã Xuân Thọ II), thờ thân Nam Hải ở giữa, hai bên tả hữu thờ Tả ban và Hữu ban, các lăng còn lại thờ thân Nam Hải chỉ được thờ phối tự, ví dụ: lăng Túy Phong 7 (xã Xuân Hải)- giữa thờ thân Thành Hoàng, hai bên tả hữu thờ thân Nam Hải và thờ Thủy Long Thần Nữ; lăng Túy Phong 8 (xã Xuân Hải)- giữa thờ Quan Công, hai bên tả hữu thờ thân Nam Hải và thờ Bà; lăng Mò O (xã Xuân Cảnh)- giữa thờ Hội đồng, hai bên tả hữu thờ thân Nam Hải và thờ Thủy Long Thần Nữ... Một số lăng còn sắc phong như lăng Tiên Châu (xã An Ninh Tây, huyện Tuy An) còn giữ được 5 sắc phong- 2 sắc của vua Minh Mạng, 2 sắc của vua Tự Đức và 1 sắc của vua Đồng Khánh. Các sắc đều phong tặng Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Tôn Thần<sup>(18)</sup>. Như vậy, thân Nam Hải ở đây hoặc thờ chính hay đem thờ phối tự với đình của người Việt (thờ thân Thành Hoàng) hay miếu của người Hoa (thờ Quan Công) và đều được gọi là lăng.

Trong tỉnh Khánh Hòa, ngư dân xây cất lăng thờ cá Ông rất nhiều nơi như: Bích Đầm, Chụt Đền, Ba Trại, Cửa Bé, Vạn Thạnh, Đầm Môn, Đầm Vân... Tại Bình Thuận có các lăng, dinh, vạn thờ cá Ông như: Thủy Tú, Nam Nghĩa, Khánh Long, Hiệp Hưng, trong đó Vạn Thủy Tú là lớn nhất. Hằng năm các lăng, dinh, vạn đều có lệ cúng giỗ đúng ngày Ông / cá voi lụy (chết) được đưa vào thờ, ngoài ra

còn có các lệ cúng khác như: cúng xuân, vào khoảng 15 đến 20 tháng Giêng Âm lịch, cúng Thu 15 tháng 8 Âm lịch, cúng Cầu Ngư vào ngày đầu mùa hoặc giữa mùa của mỗi ngành cá<sup>(19)</sup>.

Ở Bà Rịa - Vũng Tàu trong khoảng 50 km ven biển có đến 10 ngôi đền cá Ông thường gọi là lăng, miếu hay dinh ở Bình Châu, Long Hải, Xóm Lăng... tiêu biểu nhất là Dinh Ông Phước Hải, Phước Tỉnh, Thắng Tam với lễ hội Nghinh Ông tổ chức khá quy mô. Hiện nay, trong khuôn viên các dinh Ông có dành một phần đất là nghĩa địa chôn cất những cá Ông lụy hay bị mắc lưới chết, 3 năm sau vào dịp đại lễ Nghinh Ông tổ chức bốc cốt và thỉnh ngọc cốt Ông vào dinh thờ<sup>(20)</sup>. Thời gian mở lễ hội thường diễn ra hai ba ngày, không có ngày thống nhất chung. Nhiều nơi lấy ngày phát hiện Ông lụy làm ngày mở hội, coi như là ngày giỗ Ông. Có nơi kết hợp lễ Nghinh Ông với lễ Cầu Ngư, mở đầu cho mùa đánh bắt mới. Ở Phước Hải, lễ hội Nghinh Ông tổ chức vào các ngày 16-19 tháng 2 Âm lịch. Ở Long Hải, lễ hội Nghinh Ông tổ chức vào các ngày 22-24 tháng 6 Âm lịch. Ở Thắng Nhì, lễ hội Nghinh Ông tổ chức vào các ngày 22-24 tháng 3 Âm lịch. Ở Thắng Tam, lễ hội Nghinh Ông tổ chức vào các ngày 16-18 tháng 8 Âm lịch... Đặc biệt, ở Phước Hải (Long Đất) lễ cúng cá Ông được kết hợp với ngày cúng vị tiên hiền là

18. Phan Đình Phùng, Nguyễn Danh Hạnh. *Giới thiệu một số di tích thờ cá Ông ven biển Phú Yên*, trong: *Văn hóa sông nước Miền Trung*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006, tr. 216 - 240.

19. Lê Quang Nghiêm. *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Sài Gòn, 1970, tr. 22-23.

20. Đinh Văn Hạnh, Phan An. *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa- Vũng Tàu*, Nxb. Trẻ, 2004, tr. 108-109.

ông Trần Văn Mầu, có công khẩn đất lập làng cách đây gần 300 năm<sup>(21)</sup>.

Trên địa bàn tỉnh Bến Tre, ba huyện ven biển Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú có 9 làng thờ cá Ông. Lễ Nghinh Ông ở Bến Tre thường diễn ra trước mùa đánh bắt cá biển, nên có sự kết hợp lễ Nghinh Ông với lễ Cầu Ngư, mở đầu cho mùa cá mới của năm. Ở xã Thừa Đức (huyện Bình Đại) lễ Nghinh Ông tổ chức vào ngày 23-4 Âm lịch, ở xã Bình Thắng (huyện Bình Đại) lễ Nghinh Ông tổ chức vào hai ngày 15 và 16-6 Âm lịch, ở xã Thới Thuận (huyện Bình Đại) lễ Nghinh Ông tổ chức vào ngày 20-6 Âm lịch, ở xã Bảo Thạnh và Tân Thủy (huyện Ba Tri) lễ Nghinh Ông tổ chức vào hai ngày 15 và 16 - 6 Âm lịch<sup>(22)</sup>.

Ở Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 10 lạch, lãng, đình, miếu có thờ cá Ông. *Thạnh Phước Lạch* hay còn gọi là Lãng Ông Thủy tướng trong khu vực chợ Cần Giờ (xã Cần Thạnh) là nơi thờ cá Ông và có lễ hội Nghinh Ông lớn nhất ở Cần Giờ. Ngoài thần thờ chính là thần Nam Hải còn có thờ bà Thủy Long. Lễ hội Nghinh Ông diễn ra vào các ngày 15-16-17 tháng 8 Âm lịch hàng năm. Đình *Đông Hòa* (xã Đông Hòa) cũng thờ thần Nam Hải và bà Thủy Long. Lãng Ông (xã Thạnh An) cũng có thần thờ chính là thần Nam Hải. Một số di tích khác ở Cần Giờ, cá Ông chỉ được thờ phối tự, chỉ là thần thờ phụ trong di tích như: đình Tam Thôn Hiệp (xã Tam Thôn hiệp) thờ thần Thành Hoàng, thần Nam Hải và Quan Công; đình *An Thới Đông* (xã An Thới

Đông), đình *Bình Khánh* (xã Bình Khánh), đình *Cần Thạnh* (xã Cần Thạnh), đình *Thạnh An* (xã Thạnh An) thờ thần Thành Hoàng và thần Nam Hải; miếu *Bông Thần* (xã Thạnh An) thờ Quan Công và thần Nam Hải; Miếu *Bà* (xã Long Hòa) thờ Ngũ Hành và thần Nam Hải<sup>(23)</sup>.

Một vấn đề cần lưu ý là tại sao có hiện tượng chỉ từ Quảng Bình vào Hà Tiên mới có thờ cá voi, thành câu tục ngữ: *Tại Bắc vi ngư, tại Nam vi thần*<sup>(24)</sup>. Trong sách *Gia Định Thành thông chí* cũng ghi nhận: “ghe thuyền trên biển gặp lúc sóng gió nguy hiểm, thường thấy nhân ngư dìu đỡ thân ghe bảo vệ vào bờ yên ổn”<sup>(25)</sup>. Vùng hải phận Biển Đông dọc Trung – Nam Bộ Trung của Việt Nam có nhiều cá voi và hằng năm có nhiều cơn bão. Khi gặp biển động, để tránh bớt sóng gió, cá coi tìm vật trôi nổi trên biển để dựa vào, cùng vật ấy bơi vào bờ, nơi ít sóng gió<sup>(26)</sup>. Phải chăng từ hành động nương tựa vào nhau của cá voi và thuyền trên biển khi gặp bão, mà những người đi thuyền trên biển tin vào việc cứu nạn của cá voi và thờ cúng, tôn thành thần Nam Hải./.

21. Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh (chủ biên). *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 614.

22. Thạch Phương, Đoàn Tứ (chủ biên). *Địa chí Bến Tre*, tái bản, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 926-927.

23. *Di tích Lịch sử Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh - Một số cơ sở Tín ngưỡng dân gian 2001*, Ban Quản lý Di tích Lịch sử Văn hóa và Danh lam thắng cảnh, 2001, tr. 267-268, 275 và 294-295.

24. Lê Quang Nghiêm. *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Sài Gòn, 1970, tr. 36.

25. Trịnh Hoài Đức. *Sđđ.*, tập hạ, tr. 112.

26. Đinh Văn Hạnh, Phan An. *Sđđ.*, tr. 99.